

Bản án số: 60/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 27/9/2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Châu; bà Trịnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N** - Sinh năm 2000 - HKTT: **Thôn D, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi ở hiện nay: **Thôn F, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** – Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Mai Văn T** - Sinh năm 1991 - Địa chỉ: **Thôn D, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** - Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Trần Thị N** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Mai Văn T** tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** vào ngày 28/9/2018. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống không hạnh phúc, hay mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh **T** thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập chị, không chịu đi làm kiếm tiền. Vợ chồng chị sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị được ly hôn anh **T** theo quy định của pháp luật.

Về con: Vợ chồng chị có 02 con chung là **Mai Xuân T1** - Sinh ngày 12/10/2017 và **Mai Giang N1** – Sinh ngày 08/10/2018. Hiện các cháu đang sống cùng anh **T**. Do điều kiện thường xuyên phải đi làm ăn xa nên chị yêu cầu để anh **T** trực tiếp nuôi cả 02 con. Về cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện chị đề nghị cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng; nhưng tại bản tự khai và tại phiên tòa chị đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, anh **T** đã biết được chị **N** khởi kiện xin ly hôn anh ra Tòa án nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt, không hợp tác, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không nêu ý kiến của mình, nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị N**, cho chị **N** được ly hôn anh **Mai Văn T**. Về con: Giao cả 02 cháu **Mai Xuân T1** - Sinh ngày 12/10/2017 và **Mai Giang N1** – Sinh ngày 08/10/2018 cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **N** có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị **N** phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Trần Thị N** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh **Mai Văn T** có địa chỉ ở **xã N, huyện N**. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án **huyện N, tỉnh Thanh Hóa**.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh **Mai Văn T** biết việc chị **Trần Thị Ngọc x** ly hôn anh. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh **T** vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Ngày 12/9/2024, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, anh **T** vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh **T** vẫn vắng mặt không có lý do, nên theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và

khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử lần hai - vắng mặt anh **T**.

[2] Về hôn nhân: Chị **Trần Thị N** và anh **Mai Văn T** kết hôn ngày 28/9/2018, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống không hạnh phúc, hay mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị **N** là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh **T** thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập chị, không chịu đi làm kiếm tiền. Anh chị sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **T**.

HĐXX xét thấy, chị **N** và anh **T** có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, anh **T** không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì, chứng tỏ anh **T** không mong muốn đoàn tụ. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 16/7/2024, đại diện **thôn D, xã N** cho biết: Chị **N** và anh **T** kết hôn năm 2018. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống bình thường được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Đến khoảng đầu năm 2020, chị **N** trở về nhà mẹ đẻ sinh sống, không sống cùng anh **T** nữa.

Như thế chứng tỏ cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị **N** được ly hôn anh **T** là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị **N** và anh **T** có 02 con chung là **Mai Xuân T1** - Sinh ngày 12/10/2017 và **Mai Giang N1** – Sinh ngày 08/10/2018, chị **N** yêu cầu giao cả 02 con cho anh **T** trực tiếp nuôi con. HĐXX thấy, từ khi chị **N** và anh **T** sống ly thân nhau đến nay các cháu ở với anh **T**, mặt khác, cháu **T1** có nguyện vọng được ở với bố, nên xử giao cả 02 cháu cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về mức cấp dưỡng: Chị **N** đề nghị cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng, anh **T** không có ý kiến gì. Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, nên cần buộc chị **N** cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh **T** mỗi cháu là 2.000.000đ (*hai triệu đồng*)/tháng, 02 cháu là 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2024 cho đến khi các cháu thành niên là phù hợp

[4] Về tài sản: Chị **N** không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị **Trần Thị N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a

khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Trần Thị N**, cho chị **N** được ly hôn anh **Mai Văn T**.

2. Về con: Giao cả 02 cháu **Mai Xuân T1** - Sinh ngày 12/10/2017 và **Mai Giang N1** - Sinh ngày 08/10/2018 cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **N** cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng, 02 cháu là 4.000.000đ (bốn triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2024 cho đến khi các cháu thành niên. Chị **N** có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Trần Thị N** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con định kỳ, tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà chị đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005377 ngày 04/7/2024 của **Chi cục THADS huyện N**; chị **N** còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **N** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh **T** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga Tiến, huyện Nga Sơn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Thủy